

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Xây  
dựng Hacom Ninh Thuận số 59/CV-HCNT ngày 03 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ  
kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
5271/TTr-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận, địa chỉ tại Lô TM6-38, Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1), phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn tại Lô B2, Khu Công nghiệp Phước Nam, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất bê tông các loại và các cấu kiện đúc sẵn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B2, Khu Công nghiệp Phước Nam, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 4500568912 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận đăng ký lần đầu ngày 20/09/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/05/2020.

1.4. Mã số thuế: 4500568912.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông thương phẩm, gạch không nung, gạch Terazo và các cấu kiện đúc sẵn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Diện tích đất sử dụng: 10.950 m<sup>2</sup>, gồm các hạng mục công trình: 01 trạm trộn bê tông công suất 1.692 tấn/ngày, 01 xưởng sản xuất gạch không nung công suất 2.000.000 viên/năm, 01 xưởng sản xuất gạch Tazero công suất 1.000.000 viên/năm, 01 xưởng sản xuất công lý tâm công suất 2.133 tấn/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Nước thải sản xuất sau xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, được tái sử dụng để tưới cây, tưới ẩm, đập bụi và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả thải khí thải, bụi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xây dựng Hacom Ninh Thuận có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện

các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm (từ ngày tháng 11 năm 2022 đến ngày tháng 11 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- Chủ Dự án (3b);
- Các Sở: TNMT, CT, XD;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp;
- UBND huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Nam;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Huyền**

## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án và nước thải từ hoạt động sản xuất trộn bê tông thương phẩm, sản xuất gạch, sản xuất công ly tâm, nước rửa xe bồn chở bê tông, nước thải rửa cối trộn, nước thải rửa sàn tại Dự án.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn về ao chứa sau đó tái sử dụng để tưới cây, tưới ẩm, đập bụi bên trong khuôn viên Dự án.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất trộn bê tông thương phẩm, sản xuất gạch, sản xuất công ly tâm, nước rửa xe bồn chở bê tông, nước thải rửa cối trộn, nước thải rửa sàn sau khi xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được dẫn về ao chứa, sau đó tái sử dụng để tưới cây, tưới ẩm, đập bụi bên trong khuôn viên Dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Ao chứa, tọa độ: X=1267581; Y=057068 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) nằm trong khuôn viên Dự án.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt:  $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; tương đương  $0,025 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Nước thải sản xuất:  $14 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; tương đương  $0,583 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT và nước thải sản xuất sau xử lý đạt giá trị cột B QCVN 40:2011/BTNMT theo đường mương dẫn riêng về ao chứa theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được tái sử dụng để tưới ẩm, tưới cây và đập bụi phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phải đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

- Chất lượng nước thải sản xuất sau khi xử lý tái sử dụng để tưới ẩm, tưới cây và dập bụi phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phải đạt giá trị cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
5	Coliforms	MPN/100 ml	5.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý bằng bể tự hoại, sau đó theo mương dẫn về ao chứa để tưới cây, tưới ẩm và dập bụi.

- Nước thải sản xuất sau xử lý bằng các ao lắng, sau đó theo mương dẫn về ao chứa để tưới cây, tưới ẩm và dập bụi.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

#### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại: Nước thải → bể tự hoại 3 ngăn: ngăn chứa (dung tích 3,84 m<sup>3</sup>) → ngăn lắng (dung tích 1,2 m<sup>3</sup>) → ngăn lọc (dung tích 1,2 m<sup>3</sup>) → ao chứa (dung tích 35,4 m<sup>3</sup>) → để tưới cây, tưới ẩm và dập bụi.

- Công suất xử lý nước thải của bể tự hoại: 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng Clorin.

#### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải → hồ thu nước (dung tích  $4,5 \text{ m}^3$ ) → hồ lắng 2 ngăn (dung tích: ngăn lắng 1 là  $8,4 \text{ m}^3$ , ngăn lắng 2 là  $9,8 \text{ m}^3$ ) → ao chứa (dung tích  $35,4 \text{ m}^3$ ) → để tưới cây, tưới ẩm và đập bụi.

- Công suất xử lý nước thải sản xuất:  $14 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/6/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đối với nước thải sản xuất: Tại vị trí xả thải nước thải sau xử lý trước khi chảy vào ao chứa nước thải có tọa độ  $X=1267534$ ,  $Y=0571026$  (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) nằm trong khuôn viên Dự án.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Tại vị trí xả thải nước thải sau xử lý vào ngăn chứa nước thải có tọa độ  $X=1267475$ ,  $Y=0571029$  (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) nằm trong khuôn viên Dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại và ao chứa.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi chảy vào ao chứa để tái sử dụng tưới cây, tưới ẩm và đập bụi.

3.2. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

---

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI:

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:** Nguồn phát sinh khí thải chủ yếu là bụi từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu; từ quá trình bốc xúc nguyên vật liệu từ bãi tập kết vào phễu tiếp liệu; trộn nguyên vật liệu tại cối trộn; sản xuất gạch không nung, gạch Terazo và công ly tâm. Trong đó, thành phần ô nhiễm chính: Bụi (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> và CO.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi:

**2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:** Chủ yếu trong phạm vi của khu vực tập kết nguyên liệu, trạm trộn bê tông của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1 267 409	570 981
2	1 267 435	570 938
3	1 267 620	571 054
4	1 267 594	571 096

**2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất:** Khi máy móc, thiết bị của trạm trộn bê tông tươi (công suất 1.692 tấn/ngày); dây chuyền sản xuất gạch không nung (công suất 2.000.000 viên/năm); máy móc, thiết bị sản xuất gạch Terazo (công suất 1.000.000 viên/năm); máy móc, thiết bị sản xuất công ly tâm (công suất 2.133 tấn/năm) cùng hoạt động.

**2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải:** Không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động của trạm trộn bê tông tươi, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch Terazo, sản xuất công ly tâm và vận chuyển nguyên vật liệu.

**2.2.2. Chất lượng không khí tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, cụ thể như sau:**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	TSP	µg/m <sup>3</sup>	300
2	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	200
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	350
4	CO	µg/m <sup>3</sup>	30.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.**

1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ quá trình bơm xi măng vào Silo:

Lắp đặt 02 bộ lọc bụi, mỗi bộ lọc bụi có đường kính 800 mm và cao 1.200 mm. Bên trong bộ lọc bụi này được lắp đặt 12 túi vải đường kính 150 mm, chiều cao 1.000 mm và mô tơ rung công suất 0,25 Kw.

1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ hoạt động xúc bốc và quá trình nạp nguyên liệu:

- Phun nước tạo ẩm nguyên liệu cát, đá trước khi đổ vào các phễu cấp liệu.

- Phun nước khu vực tập kết cát, đá để giảm bụi trong mùa khô. Nguồn nước sử dụng từ ao chứa với định mức 10 lít/m<sup>3</sup> nguyên liệu, tần suất 2 lần/ngày.

1.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng cho xử lý bụi: Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý từ ao chứa.

1.4. Xây dựng hàng rào xung quanh nhà máy: Ở phía Tây, xây dựng tường rào bằng gạch không nung cao 2,0 m; ở phía Đông xây dựng tường lưới B40 cao 2,0 m để hạn chế bụi phán tán sang dự án lân cận (nhà máy gạch Vạn Gia); Trồng 25 cây lim (cao 3 m, cây cách cây 4 m) dọc ranh nhà máy ở phía Đông và 100 cây neem (cao 3 - 5 m, cây cách cây 3 m) dọc ranh giới nhà máy ở phía Đông, phía Tây và phía Bắc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/6/2022.

2.2. Công trình, thiết bị phát sinh bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại khu vực đầu và cuối hướng gió ranh giới Dự án theo mùa gió chủ đạo (theo vị trí đã được cấp phép tại Phần A phụ lục này).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Duy trì việc vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị phun nước dập bụi, chăm sóc cây xanh tại khu vực Dự án, đảm bảo bụi, khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả thải bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.



### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

**1. Nguồn phát sinh:** Chủ yếu từ hoạt động trộn bê tông tại trạm trộn, sản xuất gạch không nung, gạch Terazo, sản xuất công ly tâm và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

#### 2. Vị trí phát sinh:

Chủ yếu trong phạm vi của khu vực Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Mốc tọa độ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1 267 409	570 981
2	1 267 435	570 938
3	1 267 620	571 054
4	1 267 594	571 096

**3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Phải sử dụng các loại máy móc đúng công suất và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

## PHỤ LỤC 4

### **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

#### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

##### **1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 20 kg/năm. Thành phần là bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu nhớt thải, bình ắc quy thải, hộp mực in, pin chì thải, giẻ lau dính dầu mỡ, ...

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án chủ yếu là đá, cát, vữa bê tông, thép, ... rơi vãi từ hoạt động sản xuất và cặn lắng từ hồ xử lý nước thải sản xuất với tổng khối lượng phát sinh khoảng 310 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 05 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, kim loại, thủy tinh, giấy và các loại khác.

##### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa (có nắp đậy) riêng từng loại và được lưu chứa tại kho chứa có diện tích 9 m<sup>2</sup> (kích thước 3 m x 3 m), xây bằng tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng; định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí khu lưu giữ đá, cát thải gần vị trí lắp đặt trạm trộn với diện tích 10 m<sup>2</sup>. Lượng chất thải này được thu gom, tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, không thải ra bên ngoài.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác dung tích 60 lít tại khu vực nhà điều hành và cổng Dự án. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đội vệ sinh môi trường địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao thông trong khu vực hoạt động trộn bê tông và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.

---